

PHÁT TRIỂN CHUYÊN NGÀNH Y HỌC BIỂN VÀ MẠNG LƯỚI Y TẾ BIỂN - VẤN ĐỀ ĐÀO TẠO NGUỒN NHÂN LỰC Y HỌC VÀ Y TẾ BIỂN

PGS.TS Nguyễn Trường Sơn
Viện Trưởng Viện Y học biển VN

1. SỰ CẦN THIẾT PHẢI PHÁT TRIỂN CHUYÊN NGÀNH Y HỌC BIỂN VÀ MẠNG LƯỚI Y TẾ BIỂN

Với vị trí và tiềm năng đặc biệt to lớn trong việc phát triển kinh tế và đảm bảo an ninh quốc phòng của đất nước, từ lâu Đảng và Nhà nước ta đã chú trọng đến tiềm năng to lớn này của hệ thống biển đảo. Với bờ biển dài trên 3260 km và diện tích biển lên đến 1 triệu km² biển thực sự trở thành nơi nương tựa cho chúng ta trong tương lai, khi mà nguồn tài nguyên thiên nhiên trên đất liền cạn kiệt.

Xuất phát từ nhận thức này mà ngay từ sau khi đất nước thống nhất tư duy phát triển kinh tế biển được hình thành và củng cố qua từng kỳ Đại hội của Đảng từ Đại hội 4 đến Đại hội 9 và đỉnh cao của nó là Nghị quyết số 04/2007 của BCH TƯ Đ khoá X về “Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020”. Trong chiến lược này Đảng xác định rõ mục tiêu: “*Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020 với 5 ngành kinh tế trọng điểm gồm: Khai thác, chế biến dầu khí; hàng hải; Du lịch biển và kinh tế hải đảo; Khai thác chế biến hải sản; Xây dựng các khu kinh tế, công nghiệp tập trung và khu chế xuất ven biển. Tập trung phấn đấu đến năm 2020, kinh tế biển đóng góp 53-55% GDP, 55-60% kim ngạch xuất khẩu của cả nước, giải quyết tốt các vấn đề xã hội, cải thiện một bước đáng kể đời sống của nhân dân vùng biển và ven biển...*”

Tuy nhiên, vấn đề cốt lõi của chiến lược này là vấn đề con người (nguồn nhân lực). Vấn đề nguồn nhân lực cho chiến lược biển của chúng ta đến năm 2020 không chỉ đơn thuần về đào tạo các lao động biển có trình độ khoa học, kỹ thuật cao, có đủ khả năng làm chủ các công nghệ hiện đại để khai thác mọi tiềm năng của biển mà còn phải là những người có sức khoẻ tốt, có khả năng chịu đựng được sóng gió, thời tiết khắc nghiệt và nguy hiểm của biển cả thì mới hoàn thành được nhiệm vụ.

Mặt khác, theo Công ước về lãnh thổ của Liên hợp quốc thì “Lãnh thổ của một quốc gia phải là vùng đất có thường dân sinh sống, có các hoạt động kinh tế, xã hội diễn ra thường xuyên”. Do đó việc di dân ra các đảo ngoài biển là nhằm duy trì chủ quyền đối với vùng lãnh thổ thiêng liêng của tổ quốc.

Tuy nhiên, do đặc điểm địa lý cách trở với đất liền, các đảo lại bị chia cắt với nhau, dân cư thưa thớt, công với điều kiện khí hậu tự nhiên trên biển rất khắc nghiệt khác biệt hoàn toàn so với trên đất liền đã làm cho đời sống của các lao động và nhân dân trên biển gặp rất nhiều khó khăn, nhiều yếu tố rủi ro có thể đe dọa sức khoẻ và sinh mạng. Các hoạt động xã hội như giáo dục, y tế rất bất cập, khó đảm bảo sự công bằng về quyền được chăm sóc sức khoẻ như trên đất liền. Tất cả những điều này tạo ra tâm lý bất an cho những người muốn bám biển, lao động sản xuất, phát triển kinh tế, góp phần giữ vững chủ quyền an ninh lãnh thổ và lãnh hải của đất nước.

Để giúp người lao động, nhân dân có thể yên tâm sống và lao động trên mọi vùng biển của tổ quốc, việc phát triển chuyên ngành Y học biển nói riêng và mạng lưới y tế biển - đảo nói chung nhằm đảm bảo an toàn sức khoẻ và sinh mạng cho họ là hết sức cần thiết và cấp bách.

2. ĐÀO TẠO NGUỒN NHÂN LỰC Y HỌC VÀ Y TẾ BIỂN – YẾU TỐ QUYẾT ĐỊNH THÀNH CÔNG CHO VIỆC PHÁT TRIỂN CHUYÊN NGÀNH Y HỌC BIỂN VÀ MẠNG LƯỚI Y TẾ BIỂN

2.1. Tầm quan trọng của công tác đào tạo nguồn nhân lực Y học và y tế biển

Chuyên ngành Y học biển là một chuyên ngành sâu của y học có nhiệm vụ nghiên cứu đặc điểm môi trường sống, lao động, các thảm họa biển, kể cả dưới biển và ảnh hưởng của nó tới sự phát sinh bệnh tật, tai nạn, an toàn sinh mạng của cộng đồng lao động và cư dân sinh sống trên các vùng biển, đảo và vùng ven biển. Nó cũng có nhiệm vụ nghiên cứu các biện pháp phòng chống tác hại nghề nghiệp biển, môi trường biển đối với con người; nghiên cứu các biện pháp cấp cứu, điều trị và chăm sóc sức khỏe cho tất cả cộng đồng lao động, quân và dân trên biển - đảo.

Chuyên ngành Y học biển còn khá mới mẻ ở nước ta nó mới chỉ chính được hình thành cách đây 9 năm khi Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định thành lập Trường đại học Y Hải Phòng (ĐHYHP) với nhiệm vụ nghiên cứu và đào tạo về Y học biển và Bộ Trưởng Bộ Y tế ký Quyết định thành lập Bộ môn Y học biển thuộc Trường ĐHYHP (1999) và Quyết định thành lập Viện Y học biển trực thuộc Bộ Y tế (27/3/2001). Số lượng cán bộ có trình độ chuyên môn Y học biển còn hết sức ít ỏi, trong khi lĩnh vực chuyên khoa Y học biển lại quá rộng, nó bao gồm cả y học cơ sở, y học dự phòng và y học lâm sàng biển và y học dưới nước và áp suất cao. Từ Y học hàng hải, Y học dầu khí, Y học thủy sản đến Y học du lịch biển, Y học hải đảo đến Y học dưới nước và cao áp... Nghĩa là đối tượng mà chuyên ngành Y học biển có trách nhiệm phục vụ là rất lớn.

Để đáp ứng với yêu cầu xây dựng và phát triển chuyên ngành Y học biển cũng như xây dựng và củng cố mạng lưới y học biển đảo của quốc gia, ngoài vấn đề đầu tư kinh phí, xây dựng các chế độ chính sách, thì yếu tố con người để triển khai các nhiệm vụ này là nhân tố quyết định. Do đó, việc đào tạo nguồn nhân lực Y học và Y tế biển giữ vai trò chìa khóa quyết định sự thành công cho việc phát triển chuyên ngành Y học biển và mạng lưới Y tế biển của nước ta. Việc đào tạo nguồn nhân lực phải bao gồm cả nhân lực chuyên môn Y học biển và nhân lực quản lý Y tế biển. Việc đào tạo không phải chỉ cho các cán bộ và nhân viên y tế mà còn phải đào tạo cả chuyên môn Y học biển cho các đối tượng lao động, tác chiến trên biển như người đánh cá, thuyền viên, lực lượng cứu hộ và tìm kiếm cứu nạn, công nhân dầu khí, thợ lặn...

2.2. Nhu cầu của việc đào tạo nguồn nhân lực Y học và Y tế biển

Như chúng tôi đã trình bày ở phần trên, do chuyên ngành Y học biển còn rất mới mẻ ở Việt Nam nên các cán bộ có trình độ chuyên sâu về Y học biển hiện có rất ít, ngoài một số cán bộ đang công tác tại Viện Y học biển Việt Nam đã được đào tạo ở nước ngoài hoặc đào tạo cập nhật các khóa chuyên đề về Y học biển tại Viện hoặc các khóa đào tạo quốc tế ngắn hạn tại Viện Y học biển Việt Nam (chương trình phối hợp giữa Viện Y học biển Việt Nam với Viện Trường đại học y khoa Brest – Cộng hòa Pháp).

Các Trung tâm Y học biển của các tỉnh và khu vực đã và đang hình thành như Quảng Ninh, Thanh Hóa (Khu vực bắc miền Trung), Bình Định (Qui Nhơn), Vũng Tàu, thành phố Hồ Chí Minh hoàn toàn chưa có cán bộ chuyên khoa sâu về Y học biển.

Các Trung tâm Y tế biển dự kiến sẽ thành lập tại các tỉnh ven biển, tại các cảng hàng hải, cảng cá của các khu vực và địa phương ven biển cũng có nhu cầu cán bộ chuyên khoa Y học biển trong những năm tới.

Trung tâm Y tế các huyện đảo, trạm y tế các đảo từ Bắc tới Nam cũng có nhu cầu cán bộ chuyên khoa Y học biển.

Y tế các ngành kinh tế biển như thủy sản, hàng hải, du lịch biển, tìm kiếm cứu nạn... cũng cần cán bộ chuyên ngành Y học biển để khôi phục lại mạng lưới y tế của ngành đã bị thu hẹp hoặc giải thể từ khi chuyển sang nền kinh tế thị trường.

Bộ môn Y học biển của Đại học Y Hải Phòng, của một số Trường đại học Y ven biển, chính Viện Y học biển cũng cần phải tiếp tục bổ sung nguồn nhân lực.

Cán bộ quản lý chuyên ngành tại các địa phương, ngành cũng rất cần được đào tạo về Y học và Y tế biển.

Như vậy, có thể nói nhu cầu về nguồn nhân lực Y học biển và Y tế biển hiện nay là rất lớn. Để xây dựng được chuyên ngành Y học biển và thiết lập được mạng lưới Y tế biển đảo quốc gia đáp ứng được việc thực hiện nhiệm-vụ của Ngành trong việc triển khai Nghị quyết 04 của BCH TƯ ĐCS VN về “Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020”, vấn đề tạo nguồn nhân lực Y học và Y tế biển là hết sức quan trọng, cần thiết và cấp bách.

2.3. Đối tượng cần đào tạo

2.3.1. Cán bộ của ngành Y tế và cán bộ y tế của các ngành kinh tế biển

- Bác sỹ chuyên khoa định hướng Y học biển.
- Bác sỹ chuyên khoa sâu về Y học biển (Y học nghề nghiệp biển, cấp cứu biển, Tele-medicine, Y học dưới nước và cao áp...).

- Thạc sỹ Y học biển.
- Tiến sỹ Y học biển.

2.3.2. Đối tượng ngoài ngành y

- Sĩ quan hàng hải (sĩ quan boong) - đào tạo theo qui định của Công ước quốc tế STWC 95 của IMO điều VI/4; STWC 95 phần A-VI/1.1.6; STWC bảng A-VI/4-2 “ chương trình tối thiểu cho những người đảm nhiệm chức danh phụ trách công tác y tế trên tàu, thuyền.
- Thuyền viên tàu biển (Chương trình cấp cứu và chăm sóc sức khỏe ban đầu trên biển).
- Thuyền trưởng, và thuyền viên tàu đánh cá biển (Chương trình cấp cứu và chăm sóc sức khỏe ban đầu trên biển nâng cao).
- Lực lượng tìm kiếm cứu nạn trên biển

2.4. Nội dung đào tạo

Tùy thuộc vào từng loại đối tượng và mức độ đào tạo :

2.4.1. Chương trình đào tạo Y học biển cho sĩ quan boong

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO Y HỌC BIỂN CHO SĨ QUAN BOONG

A. GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. **Bậc học:** Cập nhật kiến thức về Y học biển.
2. **Chuyên ngành đào tạo:** Y học biển
3. **Chức danh sau tốt nghiệp:** Sĩ quan (Boong và Radio) phụ trách y tế trên tàu biển.
4. **Thời gian đào tạo:** 06 tuần
5. **Hình thức đào tạo:** Tập trung.
6. **Đối tượng:** Sĩ quan tàu biển của Việt Nam. (Chủ yếu là cho sĩ quan boong và sĩ quan vô tuyến điện).

7. **Cơ sở đào tạo:** Viện Y học biển - Bộ Y tế.

B. CHƯƠNG TRÌNH KHUNG

1. **Khối lượng học tập và thời gian đào tạo (xem bảng).**

Bao gồm: Lý thuyết: 80 giờ; Thực hành: 120 giờ

TT	Khối lượng học tập	Số tiết và thời gian học		
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành
1	Học phần 1: Giải phẫu sinh lý người và Cấp cứu biển	54	40	56
2	Học phần 2: Các bệnh thường gặp khác	31	20	44
3	Học phần 3: Vệ sinh phòng bệnh trên tàu biển	25	20	20

2. **Đơn vị chủ trì đào tạo.** Phòng khoa học - đào tạo, Viện Y học biển.
3. **Kiểm tra.** vấn đáp lý thuyết và thực hành song song từng nội dung học tập.
4. **Chứng chỉ.** Cấp chứng chỉ song ngữ Việt - Anh theo quy định quốc tế.

C. CHƯƠNG TRÌNH CHI TIẾT

1. Nội dung phân lý thuyết:

Nội dung	Số giờ
Học phần 1: Cấp cứu trên biển	40
I. Đại cương giải phẫu sinh lý người	4
II. Cấp cứu trên biển	36
1. Cấp cứu ban đầu trên biển	25
2. Các cấp cứu khác	11
Học phần 2: Các bệnh thường gặp trên biển khác	20
I. Các bệnh gặp trong trường hợp bị đắm tàu và bị trôi dạt trên biển	8
II. Một số bệnh nội khoa thường gặp trên biển	8
II. Bệnh truyền nhiễm và các bệnh lây truyền qua đường tình dục	4
Học phần 3: Y học dự phòng trên tàu biển	20
I. Các vấn đề vệ sinh phòng bệnh	8
1. Vệ sinh môi trường lao động và bệnh nghề nghiệp	3
2. Dịch tễ học hàng hải	3
3. Vệ sinh dinh dưỡng và vệ sinh thực phẩm	2
II: Công tác bảo đảm an toàn sinh mạng cho người đi biển	2
III: Vấn đề tử vong trên biển	2
IV: Vấn đề cung cấp thuốc và trang thiết bị y tế cho tàu thuyền đi biển	4
XI: Phục vụ y học biển quốc tế qua Telemedicine	4

2. Nội dung phân thực hành (120 giờ)

Nội dung	Số giờ
1. Cấu trúc của cơ thể người (giới thiệu trên mô hình)	2
2. Cách đo nhiệt độ cơ thể người ở các vị trí khác nhau	1
3. Cách đếm nhịp tim	2
4. Cách đo huyết áp	2
5. Cách đếm nhịp thở	1
6. Phương pháp khám một bệnh nhân và phát hiện một số triệu chứng sốt, ỉa chảy, đau, khó thở, mất nước, loạn nhịp tim...	12
7. Sơ cứu một bệnh nhân bất tỉnh, hôn mê, lấy dị vật đường hô hấp, hô hấp nhân tạo, xoa bóp tim nhân tạo.	12
8. Săn sóc ban đầu một bệnh nhân bỏng.	4
9. Phương pháp tiêm (kỹ thuật tiêm bắp, dưới da, tiêm truyền tĩnh mạch...).	10
10. Các phương pháp băng bó vết thương, thay băng.	10
11. Phương pháp cố định xương gãy	16
12. Vận chuyển bệnh nhân trên biển	8
13. Các kỹ thuật cầm máu	8
14. Thực hành kỹ thuật xử lý và khâu các vết thương bề mặt cơ thể.	8
15. Phương pháp khử trùng dụng cụ trên tàu	4
16. Chăm sóc bệnh nhân trong các trường hợp bệnh lý khác nhau	8
17. Kiểm tra các phương tiện an toàn sinh mạng trên các xuồng phao cứu sinh	2
18. Kiểm tra chất lượng thực phẩm và nước sinh hoạt	2
19. Thực hành tư vấn y học qua Tele-Medicine	4
20. Thực hành phòng chống dịch bệnh xảy ra trên tàu	4

2.4.2. Chương trình cho thuyền viên hàng hải và đánh cá

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CẤP CỨU BAN ĐẦU TRÊN BIỂN CHO THUYỀN VIÊN VIỆT NAM

A. GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

- 1. Bậc học:** Cập nhật kiến thức về cấp cứu ban đầu trên biển.
- 2. Chuyên ngành đào tạo:** Y học biển.
- 3. Chức danh sau tốt nghiệp:**
- 4. Thời gian đào tạo:** 01 tuần
- 5. Hình thức đào tạo:** Tập trung.
- 6. Đối tượng:**
 - Thuyền viên Việt Nam;
 - Ngư dân đánh bắt gần bờ và xa bờ;
 - Nhân viên tìm kiếm cứu nạn trên biển (TKCN) thuộc UB TKCNQG, ngành và các địa phương.
 - Hướng dẫn viên du lịch biển;
 - Công nhân trên các giàn khoan dầu khí;
 - Công nhân đèn biển.
- 7. Cơ sở đào tạo:**
 - Viện Y học biển - Bộ Y tế.
 - Trung tâm Y học biển các tỉnh ven biển.

B. CHƯƠNG TRÌNH KHUNG

1. Khối lượng học tập và thời gian đào tạo (xem bảng)

Gồm: Tổng số 40 giờ; LT: 20 giờ; Thực hành: 20 giờ

TT	Khối lượng học tập	Số tiết và thời gian học		
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành
1	Phần 1: - Giới thiệu chương trình đào tạo - Sơ lược về giải phẫu sinh lý người	2	2	0
2	Phần 2: Cấp cứu ban đầu trên biển	36	16	20
3	Phần 3: Phòng ngừa tai nạn trên biển	2	2	0

- 2. Đơn vị chủ trì đào tạo:** Phòng khoa học - đào tạo, Viện Y học biển.
- 3. Kiểm tra:** vấn đáp lý thuyết và thực hành song song từng nội dung học tập.
- 4. Chứng chỉ:** Cấp chứng chỉ song ngữ Việt - Anh theo quy định quốc tế.

C. CHƯƠNG TRÌNH CHI TIẾT

1. Nội dung phần lý thuyết: 20 giờ

Nội dung	Số giờ
I. Đại cương giải phẫu sinh lý người	2
II. Cấp cứu trên biển	16
1. Cấp cứu ban đầu trên biển	
1.1. Nguyên tắc xử trí cấp cứu ban đầu trên biển	2
1.2. Tiến hành cấp cứu nạn nhân bất tỉnh	2
1.3. Cấp cứu các trường hợp chảy máu nặng	2
1.4. Cấp cứu các trường hợp bị sốc	1
1.5. Cấp cứu các trường hợp bị bỏng	1
1.6. Cấp cứu các trường hợp gãy xương ở trên biển	4
1.7. Cấp cứu người bị đuối nước	2
1.8. Các phương pháp băng bó vết thương và vận chuyển nạn nhân bị chấn thương	2
2. Một số vấn đề về y tế trong trường hợp bị đắm tàu và bị trôi dạt trên biển	2
III. Các biện pháp phòng ngừa tai nạn khi lao động trên biển	2

2. Nội dung phân thực hành (20 giờ).

Nội dung	Số giờ
1. Cách đếm mạch, nhịp tim; Cách đếm nhịp thở	2
2. Kỹ thuật sơ cứu một bệnh nhân bất tỉnh, hôn mê, lấy dị vật đường hô hấp, hô hấp nhân tạo, xoa bóp tim ngoài lồng ngực.	4
3. Các kỹ thuật cầm máu	2
4. Cấp cứu ban đầu một bệnh nhân bỏng các loại và điện giật.	2
5. Kỹ thuật băng bó vết thương, thay băng.	4
6. Kỹ thuật cố định các loại xương gãy	4
7. Kỹ thuật vận chuyển bệnh nhân trên tàu, thuyền	2

2.4.3. Chương trình đào tạo cho sinh viên đại học y

A. GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. **Bậc học:** Đại cương về Y học biển.

2. **Chuyên ngành đào tạo:** Y học biển

3. **Chức danh sau tốt nghiệp:** Bác sỹ đa khoa

4. **Thời gian đào tạo:** Năm thứ 6 Đại học Y

5. **Hình thức đào tạo:** Tập trung học lý thuyết tại trường và thực hành tại Viện Y học biển Việt Nam

6. **Đối tượng:** Sinh viên hệ dài hạn và chuyên tu

7. **Cơ sở đào tạo:** Bộ môn Y học biển, ĐHYHP & Viện Y học biển

B. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG

Gồm: Tổng số 100 giờ; LT: 60 giờ; Thực hành: 40 giờ

TT	Nội dung bài học	Số tiết	
		LT	TH
1	Bài mở đầu về Y học biển	02	
2	Sinh lý lao động biển	02	02
3	Y học lao động biển	08	02
4	Độc học hàng hải	04	02
5	Dịch tễ học hàng hải	04	02
6	Cấp cứu biển và Tele-Medicine	08	08
7	Các bệnh và thương tích có tính chất nghề nghiệp của người lao động biển.	10	08
8	Y học thảm họa biển.	02	02
9	Một số vấn đề về Y học hải đảo và vùng ven biển.	02	02
10	Y học Dưới nước	10	06
11	Y học cao áp lâm sàng	08	06
Tổng		60	40

2.4.4. Chương trình đào tạo cho bác sỹ chuyên khoa định hướng Y học biển

2.4.5. Chương trình đào tạo cho bác sỹ chuyên khoa sâu Y học biển

Chương trình 2.4.4 & 2.4.5 đang được Bộ môn Y học biển của trường xây dựng.

2.4.6. Chương trình đào tạo thạc sỹ Y học biển (kết hợp giữa Trường đại học Y Hải Phòng và Viện Y học biển Việt Nam

Chương trình khung đào tạo thạc sỹ y học

Chuyên ngành: Y học biển

1. Nội dung chương trình khung tổng hợp

STT	Khối lượng học tập	Đơn vị học trình	Tổng số ĐVHT/tiết	
			Lý thuyết	Thực hành
1	Các môn học chung	12	10/150	02/30
2	Các môn cơ sở và chuyên ngành	55	37/555	18/270
3	Luận văn	13	195	
Cộng		80	900	300

2. Bảng phân bố chi tiết môn học

A. CÁC MÔN HỌC CHUNG (TỔNG SỐ 12 ĐVHT)

Mã số	Tên môn học	Tổng số ĐVHT/ Tiết học	Số tiết	
			LT	TH
YHTH.501	Triết học	6/90	6/90	
YH NN.502	Ngoại ngữ chuyên ngành	6/90	4/60	2/30
Tổng A		12/180	10/150	2/30

B. CÁC MÔN CƠ SỞ VÀ CHUYÊN NGÀNH

1. Các môn học bắt buộc (Tổng số 43 ĐVHT = 645 T)

Mã số	Tên môn học	Tổng số ĐVHT/ Tiết học	Số tiết	
			LT	TH
YHTH.511	Tin học.	3/45	2/30	1/15
YHNC.512	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học.	3/45	2/30	1/15
YHPP.513	Phương pháp dạy học.	3/45	2/30	1/15
YHSL.521	Sinh lý học y học.	3/45	3/45	0
YHHS.522	Hóa sinh y học.	3/45	3/45	0
YHCC.571	Hồi sức cấp cứu (nội-ngoại).	4/60	2/30	2/30
YHLĐB.572	Điều kiện môi trường sống và lao động trên biển. (<i>Working environmental condition on the Ships</i>)	4/60	3/45	1/15
YHDC.573	Y học Dưới nước và Cao áp. (<i>Underwater and Hyperbaric Medicine</i>)	4/60	3/45	1/15
YHCL.574	Y học cao áp lâm sàng. (<i>Clinical Hyperbaric Medicine</i>)	4/60	3/45	1/15
YHCT.575	Cấp cứu biển và Tele-Medicine. (<i>Emergency at sea and Tele-Medicine</i>)	4/60	3/45	1/15
YHBT.576	Các bệnh và thương tích có tính chất nghề nghiệp của người lao động biển. (<i>Occupational characteristic Diseases and Injuries of Maritime Medicine</i>)	4/60	3/45	1/15
YHLQ.577	Bệnh có khả năng lây truyền của người đi biển - Qui tắc kiểm dịch quốc gia và quốc tế các cảng biển (<i>Communicable diseases of Seafaring and International Quarantine Regulations of Sea Port</i>)	4/60	3/45	1/15
Tổng B		43/645	32/480	11/165

2. Các môn học tự chọn (Tổng số 12 ĐVHT = 180 T)

Mã số	Tên môn học	Tổng số ĐVHT/T.học	Số tiết		
			LT	TH	
YHNB.578	Các bệnh nội khoa thường gặp của người đi biển. (<i>Permanent Internal diseases of Seafarers</i>)	Chon 1 trong 2 môn	4/60	3/45	1/15
YHOC.579	Tác dụng của ôxy cao áp lên các chức năng cơ thể và ứng dụng lâm sàng. (<i>Effects of Hyperbaric Oxygen on body' functions and clinical applies</i>)		2/30	2/30	0/0
YHNG.580	Các bệnh ngoại khoa thường gặp trên biển. (<i>Permanent Surgical diseases at sea</i>)	Chon 1 trong 2 môn	4/60	2/30	2/30
YHQC.581	Quản lý sức khỏe nghề nghiệp biển – Công ước quốc tế về lao động biển (<i>Management of Maritime Occupational Health and International Maritime Labour convention</i>)		2/30	1/15	1/15
YHĐH.582	Độc học hàng hải (<i>Maritime Toxicology</i>)	Chon 1 trong 2 môn	3/45	2/30	1/15
YHSM.583	Sinh lý lao động trong môi trường biển. (<i>Maritime working Physiology</i>)		3/45	3/30	1/15
YHYT.584	Y học thảm họa biển. (<i>Disaster Medicine at sea</i>)	Chon 1 trong 2 môn	3/45	2/30	1/15
YHYĐ.585	Một số vấn đề về Y học hải đảo và vùng ven biển. (<i>Some problems on Islandish and Coastal Medicine</i>)		3/45	2/30	1/15
Tổng C			12/180	8/120	4/60

C. LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP

YHB.323	Luận văn tốt nghiệp	13/195	195
Tổng A+B+C+D		80/1200	

2.5. Phương thức đào tạo

Cần đa dạng hóa phương thức đào tạo cụ thể như:

Đào tạo cán bộ chuyên khoa Y học biển

- Đào tạo chính qui tại Trường đại học Y Hải Phòng và Viện Y học biển Việt Nam hoặc kết hợp với các cơ sở đào tạo sau đại học khác ở Trung ương; đối với các chương trình BS chuyên khoa Y học biển, ThS chuyên ngành Y học biển.
- Gửi các sỹ đi đào tạo tại nước ngoài;
- Liên kết mở các lớp đào tạo quốc tế về Y học biển tại Viện Y học biển VN;
- Mở đào tạo cập nhật chứng chỉ Y học biển theo nhu cầu từng khu vực.

Đào tạo Y học biển cho các đối tượng khác ngoài ngành Y

- Đào tạo cập nhật kiến thức Y học biển theo phương thức tập trung cho sỹ quan tàu biển có nhiệm vụ quản lý sức khỏe đoàn thuyền viên;
- Huấn luyện cấp cứu và chăm sóc sức khỏe ban đầu trên biển cho thuyền viên và các đối tượng lao động biển khác theo phương thức tập trung ngắn hạn tại cơ sở đào tạo hoặc tại doanh nghiệp, tại cơ sở đào tạo nghề đi biển.

2.6. Cơ sở đào tạo

- Trường đại học Y Hải Phòng
- Viện Y học biển Việt Nam
- Một số cơ sở ở vùng miền khác liên kết với Trường hoặc Viện Y học biển.

3. KẾT LUẬN

Tóm lại, để phối hợp với các Bộ, Ngành thực hiện thắng lợi Nghị quyết về Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020 của BCH TƯ ĐCSVN, thì việc tập trung phát triển chuyên ngành Y học biển và mạng lưới Y tế biển là hết sức cần thiết và cấp bách. Và việc đào tạo, phát triển nguồn nhân lực Y học biển đóng vai trò cốt lõi và quyết định sự thắng lợi này.